

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-12-2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Trung Thu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**

2. Ông **Nguyễn Viết Ngoan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Ngọc Gia Hân** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Ly** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 08.8.2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T thông qua mai mối, được sự đồng ý của gia đình ông bà đã tiến đến hôn nhân vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo số đăng ký 01, quyển số I, ngày 28.01.2000.

Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T cờ bạc, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến năm 2023, bà và ông T ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà S xác định không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Ông, bà có hai con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ T1 (nữ), sinh ngày 17.01.2000 và Nguyễn Thị Mỹ D (nữ), sinh ngày 15.04.2005. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập ông Nguyễn Thanh T tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông T đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà S nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông T bởi vì bà không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với ông T.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T có ý kiến: Ông thống nhất với lời trình bày của bà S, ông bà do mai mối, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, ông bà có hai người con chung như bà S trình bày là đúng. Ông thống nhất thời gian ly thân và không có nợ chung. Đối với mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn ông cũng thống nhất do ông chơi ham mê cờ bạc nên có nợ tiền nhưng số tiền không lớn ông sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ này, không yêu cầu bà S cùng có trách nhiệm trả nợ. Ông xác định không có hăm dọa bà S mà chỉ nóng giận khi ông gọi điện bà S không nghe. Trong thời gian ông bà ly thân, ông có nhiều lần liên lạc bằng điện thoại với bà S nhưng bà S không đồng ý nên về sau thì ông không liên lạc nữa. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà S thì ông không đồng ý vì còn thương vợ con, mong muốn đoàn tụ cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Đối với biện pháp hàn gắn thì ông không biết. Trường hợp bà S vẫn kiên quyết ly hôn thì về con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất theo yêu cầu của bà S.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án

và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ T1 (nữ), sinh ngày 17.01.2000 và Nguyễn Thị Mỹ D (nữ), sinh ngày 15.04.2005. Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Thanh T là tự nguyện. Ông bà tiến tới hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà S có đơn khởi kiện ly hôn đối với ông T nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, bà S và ông T đều nhận biết được nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh trong đời sống vợ chồng, nhưng ông bà không tìm phương pháp khắc phục mà để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân và trong thời gian ly thân ông bà cũng không tìm giải pháp hàn gắn gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án đã triệu tập theo thủ tục tố tụng nhằm tạo điều kiện cho ông T hàn gắn với bà S nhưng ông T đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bà S vẫn cương quyết ly hôn, vì bà xác định không còn tình cảm với ông T, nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Riêng ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S, nhưng ông không có biện pháp gì hàn gắn gia đình. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay bà S xác định không còn tình cảm với ông T, ông T lại không đưa ra biện pháp hiệu quả để hàn gắn gia đình. Từ đó, cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

[4] *Về con chung*: Ông, bà có hai con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T1 (nữ), sinh ngày 17.01.2000 và Nguyễn Thị Mỹ D (nữ), sinh ngày 15.04.2005, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận nên không Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị S phải nộp theo quy định pháp luật.

[8] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Ông, bà có hai con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ T1 (nữ), sinh ngày 17.01.2000 và Nguyễn Thị Mỹ D (nữ), sinh ngày 15.04.2005. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005583 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà S đã nộp xong.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Trung Thu